TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN X** **TỈNH BÀ RỊA–VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-6-2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH BÀ RỊA–VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Bá Khuyến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Mến.

2. Ông Văn Phú Hiên.

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Danh Thị Ngọc Lệ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lệ Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2023/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 02 năm 2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2023/QĐXXST-DS, ngày 26 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2023/QĐST-DS, ngày 14 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đồng Thị H, sinh năm 1997 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 0, ấp N, xã X1, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 00, khu phố P, thị trấn P1, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Bị đơn: Ông Trần Trung K, sinh năm 1992 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 0, ấp N, xã X1, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Đồng Thị H trình bày:

Bà và ông Trần Trung K tự nguyện tìm hiểu, yêu thương, chung sống với nhau từ năm 2013, có tổ chức lễ cưới và đến ngày 28/4/2014 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân xã X1, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu theo giấy chứng nhận kết hôn số 57/2014, quyển số 05/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại tổ 0, ấp N, xã X1, huyện X và sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do ông K không chăm lo cho gia đình, thường xuyên uống rượu và hay kiếm cớ để đánh vợ nên dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống trong mọi vấn đề. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần tự hòa giải và thông cảm bỏ qua cho nhau những mâu thuẫn để cùng xây dựng hạnh phúc, nuôi dạy con chung; gia đình hai bên nội ngoại cũng khuyên can, hàn gắn, nhưng không thành, trái lại mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể khắc phục được nên từ tháng 01 năm 2023 vợ chồng không còn chung sống cùng nhau, chính thức ly thân và không quan hệ gì với nhau về mọi mặt. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà H yêu cầu được ly hôn với ông K.

- Về con chung: Bà H khẳng định, giữa bà và ông K có 02 con chung tên Trần Thị Bích V, sinh ngày 01/01/2014 và Trần Phúc A, sinh ngày 10/12/2015. Sau khi ly hôn, bà H đồng ý giao 02 con chung cho ông K trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà H xin được tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn ông Trần Trung K:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông K vẫn không đến Tòa án tham gia giải quyết. Tòa án cũng không nhận được văn bản ghi ý kiến hay bản tự khai của ông K.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện: Ông K và bà H sau khi tự nguyện chung sống vào năm 2013 và đăng ký kết hôn năm 2014 thì sinh sống tại tổ 0, ấp N, xã X1, huyện X cho đến khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng vào tháng 01 năm 2023 thì bà H tự ý quay về gia đình cha, mẹ ruột của mình tại tổ 00, khu phố P, thị trấn P1, huyện X sinh sống. Hiện nay, ông K và bà H không còn chung sống cùng nhau, ông K là người đang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung; tài liệu, chứng cứ do Tòa án xác minh, thu thập được xác định: Ông K và bà H là vợ chồng, quá trình chung sống với nhau thì vợ chồng ông K, bà H xảy ra nhiều mâu thuẫn, nhưng địa phương không rõ nguyên nhân của mâu thuẫn, chỉ biết từ tháng 02 năm 2023 cho đến nay, ông K và 02 con sống cùng gia đình, không thấy bà H sống cùng ông K và 02 con tại tổ 0, ấp N, xã X1, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Tại phiên tòa: Ông K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không bổ sung gì thêm. Các đương sự không có thỏa thuận gì về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa là không chấp hành quy định theo các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H đối với ông K. Về quan hệ hôn nhân: Bà H được ly hôn với ông K. Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Giao 02 con chung tên Trần Thị Bích V và Trần Phúc A cho ông K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên; Ông K không có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên không xét. Về quan hệ tài sản: Bà H không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Tại đơn khởi kiện, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với ông K, được xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Ông K có địa chỉ cư trú tại huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về tài liệu, chứng cứ: Căn cứ theo lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình tố tụng và tài liệu, chứng cứ đã nộp tại Tòa án thì toàn bộ tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đều hợp pháp. Mặt khác, bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vắng mặt, không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ kèm theo, không có yêu cầu phản tố. Toàn bộ tài liệu, chứng cứ nêu trên đã được Tòa án thông báo cho ông K tại Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại các Điều 208, 209 và khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Vì vậy, bị đơn phải chịu hậu quả pháp lý của việc không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 196 và Điều 199 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

Về áp dụng pháp luật nội dung:

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đồng Thị H và ông Trần Trung K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X1, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu theo giấy chứng nhận kết hôn số 57/2014, quyển số 05/2014 ngày 28/4/2014 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Quá trình chung sống bà H và ông K thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống trong mọi vấn đề. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần tự hòa giải và thông cảm bỏ qua cho nhau những mâu thuẫn để cùng xây dựng hạnh phúc, nuôi dạy con chung; gia đình hai bên nội ngoại cũng khuyên can, hàn gắn, nhưng không thành, trái lại mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể khắc phục được nên từ tháng 02 năm 2023 vợ chồng không còn chung sống cùng nhau, chính thức ly thân và không quan hệ gì với nhau về mọi mặt. Do đó, bà H yêu cầu được ly hôn với ông K.

Tại biên bản xác minh về nhân thân, nơi cư trú, tình trạng hôn nhân, con chung giữa bà H và ông K, ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Tòa án thể hiện: Bà H và ông K là vợ chồng chung sống với nhau tại tổ 0, ấp N, xã X1, huyện X từ năm 2013 nhưng hiện nay bà H và ông K không còn chung sống cùng nhau do mâu thuẫn tình cảm vợ chồng. Bà H đã tự ý quay về sinh sống cùng gia đình cha, mẹ ruột của mình tại tổ 00, khu phố P, thị trấn P1, huyện X từ tháng 02 năm 2023 cho đến nay.

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa ông K đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, ông K biết rõ Tòa án đang giải quyết yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con mà ông được xác định là bị đơn nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, điều đó cho thấy bản thân ông K không có thiện chí mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Từ những tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp; thực tế xác minh tại địa phương cho thấy bà H và ông K đã thực sự không còn tình cảm với nhau, không chung sống cùng nhau, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4.2] Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:

[4.2.1] Về nuôi con chung: Bà H và ông K có 02 con chung tên Trần Thị Bích V và Trần Phúc A. Sau khi ly hôn, bà H đồng ý giao 02 con cho ông K là người được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Xét thấy, từ thời gian vợ chồng ly thân, 02 con sống ổn định cùng ông K và được nuôi dưỡng, chăm sóc chu đáo, mặc dù ông K không có yêu cầu về tranh chấp nuôi con nhưng căn cứ vào nguyện vọng được sống cùng cha (thể hiện tại biên bản ghi nhận nguyện vọng của 02 con ngày 15/3/2023 và ngày 14/4/2023) cũng như quyền lợi khác của các con nên Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu

cầu của bà H, giao 02 con chung cho ông K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên là phù hợp.

[4.2.2] Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng cho 02 con chung do ông K trong quá trình tố tụng không có ý kiến trình bày nhưng để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, Tòa án sẽ xem xét, giải quyết khi ông K có yêu cầu bà H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4.3] Về quan hệ tài sản: Bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Tuy nhiên, do ông K vắng mặt trong quá trình tố tụng và không có ý kiến trình bày nên đối với quan hệ này sẽ được giải quyết khi đương sự có yêu cầu.

[5] Về án phí: Bà H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng Dân sự.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 và Điều 86 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Đồng Thị H ly hôn ông Trần Trung K.

2. Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:

2.1. Về nuôi con chung: Giao 02 con chung tên Trần Thị Bích V, sinh ngày 01/01/2014 và Trần Phúc A, sinh ngày 10/12/2015 cho ông Trần Trung K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi);

2.2. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Không xem xét, giải quyết do người trực tiếp nuôi con không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ đối với con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chưa thành niên, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể xem xét quyết định việc hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng cho con.

3. Về quan hệ tài sản: Không xem xét, giải quyết do nguyên đơn không có yêu cầu.

4. Về án phí: Bà Đồng Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011666, ngày 20 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự khởi kiện có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện X;
- CCTHA Dân sự huyện X;
- UBND xã X1, huyện X;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Bá Khuyến